

Bản án số: 309/2018/HS-PT

Ngày: 18/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:	Bà Mai Thị Tú Oanh
Các Thẩm phán:	Ông Đặng Văn Ý
	Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Phạm Thị Thanh Tuyết -Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 218/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Viết T do Bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2017/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Viết T, giới tính: nam; sinh ngày 08/8/1971 tại tỉnh Bình Phước; Nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn K; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Thế K1, sinh năm 1948 (chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1950 (chết); vợ: Bà Nguyễn Thị T1, 02 con (Nguyễn Thị P sinh năm 2001, Nguyễn An K2 sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/10/2017 – Có mặt.

(Trong vụ án còn có bị cáo Phạm Doãn H, những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/10/2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn D, đăng ký mở tờ khai để nhập khẩu container số BMOU 2289785, theo vận đơn số ACI 01503091 và số ACI 01503091A và được Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 (Cảng Cát Lái) cấp tờ khai Hải quan điện tử số 100582276321 ngày 08/10/2015, thay đổi vào ngày 14/10/2015 với nội dung nhập khẩu 01 máy pha cà phê tự động, 01

xe đạp đua, 57 Bộ loa thùng nghe nhạc và 01 máy phát điện xoay chiều 3 pha, đều là hàng mới 100%, tổng trị giá lô hàng nhập khẩu là 15,340.000 USD, tương đương 344.306.300 đồng, số thuế phải nộp là 92.426.266 đồng, trong đó thuế nhập khẩu là 52.723.305 đồng và thuế giá trị gia tăng là 39.702.961 đồng, tờ khai được duyệt Mã phân loại kiểm tra 2 (Kiểm tra hồ sơ).

Ngày 22, 23/10/2015, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 phối hợp với Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm buôn lậu (C47) – Bộ Công an tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa trong container số BMOU 2289785 phát hiện hàng hóa thực tế không đúng với khai báo, gồm số lượng lớn hàng hóa là hàng điện tử gia dụng đã qua sử dụng thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, thực phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện.

Qua làm việc với Nguyễn Viết T – đại diện Công ty D khai báo còn lô hàng thuộc container số EISU 3962878 chưa mở tờ khai. Ngày 13/11/2015, qua kiểm tra thực tế container này cũng phát hiện nhiều mặt hàng thuộc diện cấm nhập khẩu và nhập khẩu có điều kiện như lô hàng trên.

Quá trình điều tra xác định:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn D được Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 19/9/2007, địa chỉ trụ sở chính: Phường Z, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; ngành nghề kinh doanh bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, bán buôn đồ uống, mua bán vật tư, thiết bị y tế, hàng nông lâm, thủy hải sản (không gây ô nhiễm môi trường, không mua bán nông sản thực phẩm tại trụ sở), lương thực, thực phẩm, ngũ cốc, phân bón, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gốm, sành sứ, cao su nguyên liệu, lắp ráp, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị y tế (không gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn, hàn tại trụ sở). Người đại diện theo pháp luật của công ty là Phạm Doãn H)

Ngày 06/10/2015, Phạm Doãn H – Giám đốc Công ty D ký hợp đồng 01/2015/KIET-DG nhận làm dịch vụ nhập khẩu 02 container hàng hóa gồm: sữa bột, sữa nước, xă bông, kem đánh răng, quần áo, bánh kẹo, dầu xanh, sơn, xe đạp đua, máy phát điện, máy pha cà phê, loa nghe nhạc, tủ gỗ, máy may, vitamine, đồ dùng gia đình, đồ ăn, quà biếu linh tinh cho Trần Đình V với giá 1.480.500.000 đồng. V ứng trước cho H số tiền 1.036.350.000 đồng, còn lại 444.150.000 đồng sẽ T toán khi H làm xong thủ tục Hải quan, chờ nộp thuế thông quan. H biết một số mặt hàng muốn nhập khẩu phải có giấy phép nhập khẩu. Vì không thông thạo thủ tục nhập khẩu nên H thuê Công ty K của Nguyễn Viết T để làm thủ tục nhập khẩu.

Ngày 01/10/2015, Phạm Doãn H ký giấy ủy quyền số 08/DG-UQ/15, ủy quyền cho Nguyễn Viết T giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến thủ tục hải quan về việc nhập khẩu lô hàng của Công ty D, thời gian ủy quyền từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015.

Ngày 07/10/2015, Nguyễn Viết T ký hợp đồng dịch vụ 01/2015/KT-DG với Phạm Doãn H, nội dung Công ty Trách nhiệm hữu hạn K sẽ làm dịch vụ nhập khẩu 02 container hàng hóa gồm: sữa bột, sữa nước, xà bông, kem đánh răng, quần áo, bánh kẹo, dầu xanh, sơn, xe đạp đua, máy phát điện, máy pha cà phê, loa nghe nhạc, tủ gỗ, máy may, vitamine, đồ dùng gia đình, đồ ăn, quà biếu linh tinh cho Công ty D với giá 1.200.000.000 đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng, H T toán cho T số tiền 700.000.000 đồng, số tiền còn lại 500.000.000 đồng sẽ T toán khi T giao container hàng thứ nhất cho H. Ngoài ra, trong hợp đồng còn quy định trong vòng tối đa 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của container thứ nhất, T phải giao container thứ nhất cho H. Trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận đủ số tiền còn lại và hồ sơ hợp lệ của container hàng thứ hai, T phải giao cho H container hàng thứ hai.

Phạm Doãn H đã gửi cho T vận đơn, bảng đóng gói của lô hàng, bảng kê chi tiết hàng hóa trong đó thể hiện cụ thể chi tiết số lượng, tên hàng, tên người gửi hàng tại Mỹ, tên, địa chỉ, số điện thoại của người nhận hàng tại Việt Nam của container BMOU 2289785 (qua email). T liên hệ với V để nhận Bill tàu AC 101504124 và AC 101503091 và phía nước ngoài (Trần A) đã liên hệ với Hãng tàu để đổi tên người nhận hàng từ Nguyễn Hải Triều thành Công ty D. T biết một số hàng hóa nhập khẩu phải có giấy phép nhập khẩu nhưng vì không xin được giấy phép nên T đã làm giả bộ hồ sơ gồm: hợp đồng ngoại thương, invoice, packing list mang tên Công ty D là đơn vị mua hàng, bên bán là công ty SELLER LTL SPECIAL TEIS LLC. T chỉ ghi những mặt hàng được phép nhập khẩu không cần giấy phép nhập khẩu và khai tăng số lượng, trị giá mặt hàng nhằm mục đích thông quan lô hàng.

Ngày 08/10/2018, T in bộ hồ sơ, ký tên bên người bán rồi giao H ký tên, đóng dấu Công ty D ở phần người mua. H ký giấy giới thiệu của Công ty D giới thiệu T đến hãng tàu Red River Cargo để nhận lệnh giao hàng, H đưa Token (chữ ký số) của Công ty D cho T để truyền tờ khai hải quan điện tử và được Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 cấp tờ khai hải quan điện tử số 100582276321 ngày 08/10/2015.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Viết T khai: T quen biết với Phạm Doãn H thông qua một người bạn. Từ tháng 12/2012, H làm dịch vụ giao nhận hàng hóa cho công ty D. Ngày 02/9/2015, T xem hồ sơ nhập khẩu của lô hàng ngày và tư vấn cho H đổi tên người nhận hàng trên vận đơn từ Nguyễn Hải T1 qua một pháp nhân khác, yêu cầu phía công ty gửi hàng cung cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn và giấy chứng nhận sản phẩm được phép tự do lưu hành trên thị trường. Ngày 10/9/2015, giữa T và H ký hợp đồng dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK để làm thủ tục nhập khẩu 02 container với giá 180.000.000 đồng. H giao đủ cho T 180.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng. Sau đó, H báo hãng tàu đã đổi tên người nhận hàng từ Nguyễn Hải Triều sang công ty D nhưng phía công ty gửi hàng bên Mỹ không cung cấp được các giấy tờ theo yêu cầu vì hàng hóa do thân nhân bên Mỹ mua ở mỗi nơi một ít nên không xin được những giấy tờ đó. Lúc này, T yêu cầu H đến lấy tiền lại và xé bỏ hợp đồng đã ký. Mấy ngày sau, H gửi

cho T bảng kê chi tiết hàng hóa (qua email) trong đó thể hiện rõ tên hàng, số lượng, tên người gửi bên Mỹ, tên, địa chỉ, số điện thoại người nhận hàng tại Việt Nam của container BMOU22899785. H cho biết thực tế đây chỉ là hàng quà biếu, nếu không lấy được hàng ra thì chủ hàng phải đền cho khách hàng khoảng 800.000.000 đồng mà mất uy tín với khách hàng. T nói với H muốn nhận hàng chỉ có cách làm giả bộ hồ sơ nhập khẩu, chỉ khai báo những mặt hàng được phép nhập khẩu không cần giấy phép nhập khẩu. Ngày 07/10/2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K ký hợp đồng với Phạm Doãn H. T soạn bộ hồ sơ giả gồm hợp đồng ngoại thương, invoice, packing list trong đó phần hàng hóa chỉ gồm các mặt hàng nhập khẩu không yêu cầu giấy phép nhập khẩu và khai tăng giá trị mặt hàng máy phát điện và khai thêm 57 bộ loa nghe nhạc để tăng số thuế phải nộp bù lại số thuế của những mặt hàng bị vướng giấy phép không khai báo. Ngày 08/10/2015, T in bộ hồ sơ rồi tự ký giả tên bên phần người bán và đưa cho H ký tên, đóng dấu vào phần người mua. Cùng ngày, T mở tờ khai nhập khẩu và truyền tờ khai bằng chữ ký số của công ty D. Ngày 09/10/2015, T đi làm Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu cho mặt hàng Máy pha cà phê. Sau đó, tờ khai được chuyển kiểm tra thực tế hàng hóa. T không làm thủ tục tiếp theo mà chờ cho tờ khai quá hạn 15 ngày tự động hủy. Nhưng ngày 21/10/2015, T được công chức hải quan kiểm hóa thông báo Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm buôn lậu – Bộ Công an có yêu cầu kiểm tra lô hàng của Công ty D mà T đại diện làm thủ tục.

Xác minh tại hãng tàu Evergreen, tại địa chỉ: Tầng 11 – 81 – 85 Hàm Nghi, Quận 1 và Red River Cargo số Phường X1, quận T xác định: tên người nhận hàng là Công ty D, người nhận hàng đã nhận D/O, hãng tàu chưa nhận thanh toán lưu cont, lưu bãi cho 02 cont này.

Theo kết quả thẩm định và giám định giá trị đối với lô hàng hóa: ngày 19/8/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận định giá tài sản số 6691/STC-HĐ ĐGTS-BVG kết luận giá trị hàng hóa trong container BMOU 2289785 là 1.424.940.000 đồng và kết luận định giá tài sản số 6694/STC-HĐ ĐGTS- BVG kết luận hàng hóa trong container EISU 3962878 là 622.224.848 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 77/2018/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt T phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

Áp dụng khoản 3 Điều 154; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo T;

Xử phạt Nguyễn Việt T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/10/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phạm Doãn H; Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét khởi tố

hành vi của Trần Đình V trong vụ án này; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/3/2018 bị cáo Nguyễn Viết T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Viết T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở khẳng định bản án số 77/2018/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Viết T về tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới” theo khoản 3 Điều 154 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Bị cáo Nguyễn Viết T vẫn giữ nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt với lý do mức án sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Viết T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Viết T thì thấy: Mặc dù bị cáo biết rõ hàng hoá trong 02 container BMOU 2289785 và EISU 3962878 là hàng hoá thuộc danh mục cấm nhập khẩu hoặc nhập khẩu có điều kiện nhưng bị cáo vẫn làm giả hồ sơ để thông quan hai container nói trên, bị cáo biết rõ đó là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo vẫn bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của các cơ quan chức năng mà còn ảnh hưởng đến trật tự chung của xã hội, gây khó khăn trong việc phòng chống tội phạm, nhất là trong tình hình hiện nay tội buôn lậu đang ngày càng gia tăng và phức tạp. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T 05 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Viết T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Viết T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết T phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

Áp dụng khoản 3 Điều 154; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt Nguyễn Viết T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/10/2017.

Tuyên tiếp tục tạm giam bị cáo T để đảm bảo cho việc thi hành án.

2/ Về án phí: Bị cáo Nguyễn Viết T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TTG CA TP.HCM;
- (Tổng đạt cho bị cáo) (1);
- Lưu (3) 15b (Án39)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Tú Oanh